



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT  
TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 34



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDQĐ ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 23/11/2021 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 028 73035556
- Fax: (84) 028 38300702
- Website: [www.phuongnam.edu.vn](http://www.phuongnam.edu.vn)

### Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở);
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Công thông tin. Chi tiết: Thiết lập mạng xã hội (Trừ hoạt động báo chí).

### **Nhân sự**

Tổng số công nhân viên đến ngày 31/12/2023 là 110 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 25 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### **Hội đồng quản trị**

- |                            |          |                              |
|----------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Lê Huy               | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 09/04/2022 |
| • Ông Đinh Gia Lê          | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 09/04/2022     |
| • Bà Lê Phương Mai         | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 09/04/2022 |
| • Ông Nguyễn Phong Yên     | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 09/04/2022     |
| • Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 14/04/2023     |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hồng   | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 09/04/2022 |
|                            |          | Miễn nhiệm ngày 14/04/2023   |

### **Ban Kiểm soát**

- |                        |            |                              |
|------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Đỗ Huy Kiên      | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 09/04/2022     |
| • Bà Nguyễn Thị Chanh  | Ủy viên    | Bổ nhiệm lại ngày 09/04/2022 |
| • Bà Lê Thị Tuyết Minh | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 09/04/2022     |

### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

- |                        |                   |                              |
|------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Bà Lê Phương Mai     | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 18/11/2021     |
| • Bà Mai Ngọc Liên     | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 11/06/2022 |
| • Bà Bùi Thu Giang     | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 18/11/2021     |
| • Ông Nguyễn Phong Yên | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 31/05/2022     |
| • Bà Phạm Lan Anh      | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm lại ngày 31/05/2022 |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

  
  
Lê Phương Mai  
Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2024



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 259/2024/BCKT-AAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 12/03/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), đính kèm từ trang 5 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2023-010-1  
Đà Nẵng, ngày 12 tháng 03 năm 2024

Đỗ Thị Thanh Vân – Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1483-2023-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>428.718.041.355</b>	<b>379.408.806.631</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>78.267.307.155</b>	<b>70.984.127.588</b>
1. Tiền	111		58.267.307.155	60.984.127.588
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	10.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>10.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	<b>6</b>	-	10.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>58.543.523.508</b>	<b>75.248.692.943</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>7</b>	63.273.603.777	78.119.985.097
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>8</b>	1.470.248.096	3.372.838.570
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>9.a</b>	739.279.072	1.988.283.554
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	<b>10</b>	(6.939.607.437)	(8.232.414.278)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>284.119.977.038</b>	<b>218.737.588.081</b>
1. Hàng tồn kho	141		325.990.072.811	242.143.576.594
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(41.870.095.773)	(23.405.988.513)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.787.233.654</b>	<b>4.438.398.019</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>12.a</b>	7.787.233.654	4.438.398.019
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>104.530.253.740</b>	<b>111.975.232.200</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>22.610.089.898</b>	<b>22.555.009.898</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	<b>9.b</b>	22.610.089.898	22.555.009.898
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>57.123.397.601</b>	<b>63.163.113.601</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>13</b>	57.123.397.601	62.743.082.165
- Nguyên giá	222		78.068.127.157	78.239.989.407
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.944.729.556)	(15.496.907.242)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>14</b>	-	420.031.436
- Nguyên giá	228		1.839.737.688	1.839.737.688
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.839.737.688)	(1.419.706.252)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>770.000.000</b>	<b>770.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		770.000.000	770.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>24.026.766.241</b>	<b>25.487.108.701</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>12.b</b>	24.026.766.241	25.487.108.701
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>533.248.295.095</b>	<b>491.384.038.831</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>236.089.840.210</b>	<b>214.511.746.230</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>236.089.840.210</b>	<b>214.511.746.230</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	46.739.325.681	46.750.498.691
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	3.807.086.518	6.145.727.525
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	11.771.364.905	8.801.296.463
4. Phải trả người lao động	314		17.118.942.279	9.015.357.406
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	66.597.575.270	66.305.960.185
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	377.566.680	478.886.280
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	70.355.235.700	60.658.015.325
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		19.322.743.177	16.356.004.355
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>297.158.454.885</b>	<b>276.872.292.601</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>297.158.454.885</b>	<b>276.872.292.601</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	(71.500.000)	(71.500.000)
3. Cổ phiếu quỹ	415	22	(11.541.426.210)	(11.541.426.210)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	172.691.066.328	155.131.558.902
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	22	1.886.452.483	1.886.452.483
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	34.193.862.284	31.467.207.426
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		34.193.862.284	31.467.207.426
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>533.248.295.095</b>	<b>491.384.038.831</b>



Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Phạm Lan Anh

Người lập

Nguyễn Thị Phương



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mẫu số B 02 - DN


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

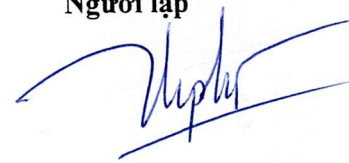
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	1.050.476.910.141	916.967.456.476
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	9.313.060.157	9.597.975.695
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		1.041.163.849.984	907.369.480.781
4. Giá vốn hàng bán	11	25	781.034.714.550	676.524.877.784
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>260.129.135.434</b>	<b>230.844.602.997</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	2.551.421.806	1.034.571.166
7. Chi phí tài chính	22	27	5.947.965.698	5.420.273.473
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.583.836.084	4.664.860.085
8. Chi phí bán hàng	25	28.a	129.220.716.088	111.315.397.778
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	69.620.608.665	64.089.025.227
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>57.891.266.789</b>	<b>51.054.477.685</b>
11. Thu nhập khác	31	29	41.151.853	552.090.483
12. Chi phí khác	32	30	426.025.113	28.843.867
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(384.873.260)</b>	<b>523.246.616</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>57.506.393.529</b>	<b>51.577.724.301</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	16.308.969.090	13.665.426.197
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>41.197.424.439</b>	<b>37.912.298.104</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	3.688	3.394
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	3.688	3.394

**Tổng Giám đốc**  
  
**Lê Phương Mai**  
 Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2024

**Kế toán trưởng**

  
**Phạm Lan Anh**

**Người lập**

  
**Nguyễn Thị Phương**

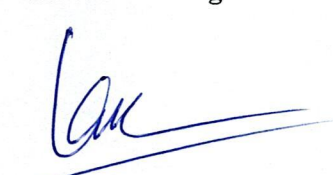
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính


CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	1.053.671.590.297	938.345.588.425
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(982.862.463.690)	(800.478.926.822)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(40.938.672.242)	(36.983.763.284)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(4.613.585.539)	(4.673.311.118)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(13.246.684.034)	(10.159.542.817)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.028.410.599	5.810.873.180
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(17.382.347.742)	(15.399.797.846)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>656.247.649</b>	<b>76.461.119.718</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	-	(14.556.726.530)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	41.818.181	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	795.593.362	546.408.063
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>10.837.411.543</b>	<b>(24.010.318.467)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	204.800.048.768	193.104.042.960
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(195.102.828.393)	(227.458.298.355)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.907.700.000)	(13.907.700.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4.210.479.625)</b>	<b>(48.261.955.395)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>7.283.179.567</b>	<b>4.188.845.856</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>70.984.127.588</b>	<b>66.795.281.732</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>78.267.307.155</b>	<b>70.984.127.588</b>

**Tổng Giám đốc**  
  
**Lê Phương Mai**  
Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2024

**Kế toán trưởng**

  
**Phạm Lan Anh**

**Người lập**

  
**Nguyễn Thị Phương**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDQĐ ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 23/11/2021 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:** Sản xuất và kinh doanh thương mại các loại sách và thiết bị giáo dục.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;
- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Công thông tin. Chi tiết: Thiết lập mạng xã hội (Trừ hoạt động báo chí).

### 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.2 Các khoản đầu tư tài chính

##### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối niên độ kế toán.

##### Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### *Dự phòng*

Dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### **4.3 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

#### *Nguyên giá*

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

### **Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp hai lần đối với các tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

#### **4.6 Tài sản cố định vô hình**

##### **Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### **Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm	3

#### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất và mức độ của chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **4.8 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.9 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong niên độ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.11 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **Cổ phiếu quỹ**

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng niên độ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận năm trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của năm sau.

### **4.14 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.15 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.18 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT:
  - + Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
  - + Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

+ Lịch, thiết bị giáo dục: Áp dụng thuế suất 10%. Trong giai đoạn từ ngày 01/07/2023 đến 31/12/2023, hoạt động này được áp dụng thuế suất 8% theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

**4.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt	93.543.209	72.758.716
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	58.173.763.946	60.911.368.872
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	20.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>78.267.307.155</u></b>	<b><u>70.984.127.588</u></b>

**6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b><u>10.000.000.000</u></b>	<b><u>10.000.000.000</u></b>

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Sách- Thiết bị Trường học Tiền Giang	9.134.675.155	5.563.018.549
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Cửu Long	5.219.738.735	6.252.087.078
Các đối tượng khác	48.919.189.887	66.304.879.470
<b>Cộng</b>	<b><u>63.273.603.777</u></b>	<b><u>78.119.985.097</u></b>

Trong đó, tổng giá trị các khoản phải thu đã thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 31/12/2023 tối thiểu là 70.000.000.000 đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	Mối quan hệ	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	2.202.556.968	3.350.448.223
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	565.110.840	-
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	307.255.498	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư	371.129.234	310.351.677
Công ty CP Sách- Thiết bị Trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư	9.134.675.155	5.563.018.549
Công ty CP Sách thiết bị trường học Cần Thơ	Chung công ty đầu tư	2.160.899.450	-
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư	1.308.494.181	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	2.388.199.451	2.423.031.351
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư	5.219.738.735	6.252.087.078
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư	1.206.008.687	1.708.387.278
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư	1.406.197.299	-
<b>Cộng</b>		<b>26.270.265.498</b>	<b>19.607.324.156</b>

### 8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Viện nghiên cứu sách và học liệu giáo dục	1.000.000.000	500.000.000
Phải trả cho các đối tượng khác	470.248.096	2.872.838.570
<b>Cộng</b>	<b>1.470.248.096</b>	<b>3.372.838.570</b>

**Trong đó: Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan**

	Mối quan hệ	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	-	187.205.802
Viện nghiên cứu sách và học liệu giáo dục	Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư	1.000.000.000	500.000.000
		<b>1.000.000.000</b>	<b>687.205.802</b>

### 9. Phải thu khác

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về thuế TNCN của NLD	522.794.955	-	1.803.071.867	-
Tạm ứng	97.627.673	-	74.658.687	-
Ký quỹ, ký cược	110.412.000	-	94.928.000	-
Lãi dự thu	8.444.444	-	15.625.000	-
<b>Cộng</b>	<b>739.279.072</b>	<b>-</b>	<b>1.988.283.554</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	22.222.369.898	22.222.369.898
Ký quỹ, ký cược dài hạn	387.720.000	332.640.000
<b>Cộng</b>	<b>22.610.089.898</b>	<b>22.555.009.898</b>

(\*) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam – bên liên quan của Công ty) để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên số 108HE/2011 ngày 01/04/2011 và các phụ lục điều chỉnh. Tổng số vốn góp là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 22,5 tỷ đồng. Ngày 01/07/2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 01 giao cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam thực hiện dự án thay thế cho chủ thể cũ là Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh. Theo báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành với tổng giá trị quyết toán công trình 49.383.044.219 đồng, trong đó giá trị góp của Công ty là 22.222.369.898 đồng (tương ứng tỷ lệ 45%). Ngày 15/12/2018, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 02 nhằm thay đổi tỷ lệ phân chia lợi nhuận trước thuế, cụ thể như sau: Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (37,5%), Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (25%), Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (37,5%).

### 10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2023	01/01/2023
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán:		
- Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	372.381.494	1.473.023.918
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.127.398.077	683.682.019
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	379.555.820	2.417.300.396
- Từ 3 năm trở lên	5.060.272.046	3.658.407.945
<b>Cộng</b>	<b>6.939.607.437</b>	<b>8.232.414.278</b>

### 11. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	42.909.691.394	1.495.482.512	35.151.790.537	993.755.162
Chi phí SX, KD dở dang	14.395.954.977	-	25.706.439.408	-
Thành phẩm	89.651.583.109	10.578.174.549	72.769.504.627	8.839.566.436
Hàng hóa	179.032.843.331	29.796.438.712	108.515.842.022	13.572.666.915
<b>Cộng</b>	<b>325.990.072.811</b>	<b>41.870.095.773</b>	<b>242.143.576.594</b>	<b>23.405.988.513</b>

- Giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển, ứ đọng tại 31/12/2023 là 69.769.586.139 đồng.
- Giá trị hàng tồn kho đã cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 31/12/2023 tối thiểu là 90.000.000.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. Chi phí trả trước****a. Ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
Thuế GTGT đầu vào chờ phân bổ cho hàng chưa tiêu thụ	3.066.844.424	2.412.268.084
Chi phí tổ chức bản thảo, lệ phí xuất bản sách bỏ trợ	4.162.469.230	1.339.249.935
Chi phí trả trước khác	557.920.000	686.880.000
<b>Cộng</b>	<b>7.787.233.654</b>	<b>4.438.398.019</b>

**b. Dài hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí bảo hiểm nhân thọ cho CBNV	2.012.350.000	2.762.550.000
Chi phí thuê đất (*)	22.014.416.241	22.724.558.701
<b>Cộng</b>	<b>24.026.766.241</b>	<b>25.487.108.701</b>

(\*) Xem Thuyết minh số 38.

**13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	58.772.601.672	4.035.618.480	14.961.234.687	470.534.568	78.239.989.407
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-
T/lý, nhượng bán	-	74.862.250	-	97.000.000	171.862.250
<b>Số cuối năm</b>	<b>58.772.601.672</b>	<b>3.960.756.230</b>	<b>14.961.234.687</b>	<b>373.534.568</b>	<b>78.068.127.157</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	1.625.329.814	522.555.481	12.971.133.498	377.888.449	15.496.907.242
Khấu hao trong năm	2.382.511.575	1.320.252.075	1.883.387.920	30.866.666	5.617.018.236
T/lý, nhượng bán	-	72.195.922	-	97.000.000	169.195.922
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.007.841.389</b>	<b>1.770.611.634</b>	<b>14.854.521.418</b>	<b>311.755.115</b>	<b>20.944.729.556</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	57.147.271.858	3.513.062.999	1.990.101.189	92.646.119	62.743.082.165
<b>Số cuối năm</b>	<b>54.764.760.283</b>	<b>2.190.144.596</b>	<b>106.713.269</b>	<b>61.779.453</b>	<b>57.123.397.601</b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 9.396.142.741 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2023.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	1.839.737.688	1.839.737.688
Mua sắm trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.839.737.688</b>	<b>1.839.737.688</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu năm	1.419.706.252	1.419.706.252
Khấu hao trong năm	420.031.436	420.031.436
Thanh lý, nhượng bán	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.839.737.688</b>	<b>1.839.737.688</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	-	-
Số đầu năm	420.031.436	420.031.436
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 1.839.737.688 đồng.
- Không có tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2023				01/01/2023		
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác - Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định (*)	Đang hoạt động	7,50%	7,50%	770.000.000	-	770.000.000	-
<b>Cộng</b>				<b>770.000.000</b>	<b>-</b>	<b>770.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Cổ phiếu của Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định hiện không niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán. Kết quả kinh doanh năm 2023 của Công ty này có lãi và không có lỗ lũy kế tính đến thời điểm ngày 31/12/2023. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	7.968.329.649	17.062.984.626
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	2.700.296.648	4.954.467.734
Phải trả cho các đối tượng khác	36.070.699.384	24.733.046.331
<b>Cộng</b>	<b>46.739.325.681</b>	<b>46.750.498.691</b>

*Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan*

	Mối quan hệ	31/12/2023	01/01/2023
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	-	11.970.000
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	7.968.329.649	17.062.984.626
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư	188.722.955	314.542.130
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư	-	233.138.973
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	2.700.296.648	4.954.467.734
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư	4.295.828.584	4.688.238.146
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	1.001.995.733	-
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư	-	348.320.580
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	189.497.699	-
<b>Cộng</b>		<b>16.344.671.268</b>	<b>27.613.662.189</b>

### 17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	86.745.208	2.320.477.496
Đối tượng khác	3.720.341.310	3.825.250.029
<b>Cộng</b>	<b>3.807.086.518</b>	<b>6.145.727.525</b>

*Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan*

	Mối quan hệ	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Sách thiết bị trường học Cần Thơ	Chung công ty đầu tư	-	101.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Chung công ty đầu tư	86.745.208	2.320.477.496
		<b>86.745.208</b>	<b>2.320.578.496</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số dư đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số dư cuối năm	
	Số phải thu/ Còn được khấu trừ	Số phải nộp			Số phải thu/ Còn được khấu trừ	Số phải nộp
Thuế GTGT	-	487.961.925	3.967.329.240	3.038.718.461	-	1.416.572.704
Thuế TNDN	-	4.711.572.993	16.308.969.090	13.246.684.034	-	7.773.858.049
Thuế TNCN	-	3.601.761.545	5.305.355.413	6.326.182.806	-	2.580.934.152
Thuế môn bài	-	-	3.500.000	3.500.000	-	-
Thuế nhà thầu	-	-	8.439.553	8.439.553	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>8.801.296.463</b>	<b>25.593.593.296</b>	<b>22.623.524.854</b>	<b>-</b>	<b>11.771.364.905</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí phải trả về biên tập sách	1.948.652.500	2.810.467.205
Chi phí lãi vay phải trả	102.820.314	132.569.769
Phí bản quyền và chi phí bản thảo phải trả	62.153.230.600	61.992.328.211
Chi phí phải trả khác	2.392.871.856	1.370.595.000
<b>Cộng</b>	<b>66.597.575.270</b>	<b>66.305.960.185</b>

### 20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023	01/01/2023
Kinh phí công đoàn	377.566.680	478.886.280
<b>Cộng</b>	<b>377.566.680</b>	<b>478.886.280</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>55.097.124.264</b>	<b>204.800.048.768</b>	<b>189.541.937.332</b>	<b>70.355.235.700</b>
Ngân hàng HSBC	49.606.647.914	133.607.231.380	149.314.413.490	33.899.465.804
Ngân hàng Standard Chartered	5.490.476.350	53.508.466.078	40.227.523.842	18.771.418.586
Ngân hàng HongLeong Bank	-	17.684.351.310	-	17.684.351.310
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>5.560.891.061</b>	<b>-</b>	<b>5.560.891.061</b>	<b>-</b>
Ngân hàng HSBC	5.560.891.061	-	5.560.891.061	-
<b>Cộng</b>	<b>60.658.015.325</b>	<b>204.800.048.768</b>	<b>195.102.828.393</b>	<b>70.355.235.700</b>

### 22. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	137.287.474.589	1.886.452.483	31.751.784.313	259.312.785.175
Tăng trong năm	-	-	-	17.844.084.313	-	37.912.298.104	55.756.382.417
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	38.196.874.991	38.196.874.991
Số dư tại 31/12/2022	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	155.131.558.902	1.886.452.483	31.467.207.426	276.872.292.601
Số dư tại 01/01/2023	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	155.131.558.902	1.886.452.483	31.467.207.426	276.872.292.601
Tăng trong năm	-	-	-	17.559.507.426	-	41.197.424.439	58.756.931.865
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	38.470.769.581	38.470.769.581
Số dư tại 31/12/2023	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	172.691.066.328	1.886.452.483	34.193.862.284	297.158.454.885

#### b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	43.390.000.000	43.390.000.000
Các cổ đông khác	49.328.000.000	49.328.000.000
Cổ phiếu quỹ (tính theo mệnh giá)	7.282.000.000	7.282.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### c. Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	728.200	728.200
- Cổ phiếu phổ thông	728.200	728.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.271.800	9.271.800
- Cổ phiếu phổ thông	9.271.800	9.271.800
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	31.467.207.426	31.751.784.313
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	41.197.424.439	37.912.298.104
Phân phối lợi nhuận	38.470.769.581	38.196.874.991
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	31.467.207.426	31.751.784.313
- Trích quỹ đầu tư phát triển	17.559.507.426	17.844.084.313
- Chia cổ tức cho cổ đông	13.907.700.000	13.907.700.000
Phân phối lợi nhuận kỳ này	7.003.562.155	6.445.090.678
- Trích khen thưởng phúc lợi	4.943.690.933	4.549.475.773
- Trích quỹ thù lao, khen thưởng Ban điều hành	2.059.871.222	1.895.614.905
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>34.193.862.284</b>	<b>31.467.207.426</b>

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 và tạm phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 18/NQHCD-SED ngày 14/04/2023.

### e. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 ngày 14/04/2023 đã thông qua phương án chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 với tỷ lệ 15% (tương ứng 13.907.700.000 đồng). Ngày đăng ký cuối cùng: 15/05/2023, ngày thực hiện chi trả: 23/06/2023.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu xuất bán phẩm	1.025.413.982.804	887.447.767.252
Doanh thu khác	25.062.927.337	29.519.689.224
<b>Cộng</b>	<b>1.050.476.910.141</b>	<b>916.967.456.476</b>

### 24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2023	Năm 2022
Hàng bán bị trả lại	9.313.060.157	9.597.975.695
<b>Cộng</b>	<b>9.313.060.157</b>	<b>9.597.975.695</b>

### 25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn xuất bán phẩm	741.157.559.770	649.239.084.210
Giá vốn sản phẩm khác	21.413.047.520	24.802.012.136
Trích/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	18.464.107.260	2.483.781.438
<b>Cộng</b>	<b>781.034.714.550</b>	<b>676.524.877.784</b>

### 26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi	788.412.806	469.633.063
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	92.400.000
Chiết khấu thanh toán	1.763.009.000	472.538.103
<b>Cộng</b>	<b>2.551.421.806</b>	<b>1.034.571.166</b>

### 27. Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí lãi vay	4.583.836.084	4.664.860.085
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.364.129.614	755.413.388
<b>Cộng</b>	<b>5.947.965.698</b>	<b>5.420.273.473</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí vận chuyển	10.407.222.093	9.500.379.335
Tiền lương và các khoản trích theo lương	28.923.884.620	23.581.288.137
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	3.937.104.264	2.818.464.325
Chi phí mua ngoài	53.842.657.098	45.101.551.989
Các khoản khác	32.109.848.013	30.313.713.992
<b>Cộng</b>	<b>129.220.716.088</b>	<b>111.315.397.778</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2023	Năm 2022
Tiền lương và các khoản trích theo lương	27.400.781.648	22.587.281.004
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.099.945.408	2.143.102.220
Trích/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.292.806.841)	1.751.311.777
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.746.556.158	22.807.309.897
Các khoản khác	17.666.132.292	14.800.020.329
<b>Cộng</b>	<b>69.620.608.665</b>	<b>64.089.025.227</b>

### 29. Thu nhập khác

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tất toán hợp đồng bảo hiểm nhân thọ	-	510.847.483
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	39.151.853	-
Thu nhập khác	2.000.000	41.243.000
<b>Cộng</b>	<b>41.151.853</b>	<b>552.090.483</b>

### 30. Chi phí khác

	Năm 2023	Năm 2022
Các khoản khác	426.025.113	28.843.867
<b>Cộng</b>	<b>426.025.113</b>	<b>28.843.867</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	57.506.393.529	51.577.724.301
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	14.058.501.348	11.980.140.664
Điều chỉnh tăng	14.058.501.348	12.072.540.664
Điều chỉnh giảm	-	92.400.000
Tổng thu nhập chịu thuế	71.564.894.877	63.557.864.965
Tổng thu nhập tính thuế	71.564.894.877	61.942.777.157
Thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	14.312.978.975	12.711.572.993
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>16.308.969.090</b>	<b>13.665.426.197</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	14.312.978.975	12.711.572.993
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	1.995.990.115	953.853.204

### 32. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	41.197.424.439	37.912.298.104
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(7.003.562.155)	(6.445.090.678)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi) và quỹ ban điều hành	7.003.562.155	6.445.090.678
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	34.193.862.284	31.467.207.426
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.271.800	9.271.800
<b>Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>3.688</b>	<b>3.394</b>

### 33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	75.192.712.773	92.736.726.595
Chi phí nhân công	56.324.666.268	46.168.569.141
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.037.049.672	4.961.566.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	244.952.122.323	251.569.907.586
Chi phí khác bằng tiền	50.049.011.461	45.709.146.151
<b>Cộng</b>	<b>432.555.562.497</b>	<b>441.145.916.018</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh sách - thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

### 35. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro về vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có biến động lớn về lãi suất và giá.

##### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu phát sinh từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Công ty chủ yếu vay vốn ngắn hạn với lãi suất cố định. Do đó, rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Chi phí giấy và chi phí công in là 2 khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất. Do đó để giảm thiểu rủi ro từ việc thay đổi về giá của hàng hóa, dịch vụ đầu vào Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý. Với chính sách quản lý về giá như trên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro do biến động giá của Công ty ở mức thấp.

##### **Quản lý rủi ro tín dụng**

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro tín dụng của Công ty ở mức kiểm soát được.

##### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và các đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	46.739.325.681	-	46.739.325.681
Chi phí phải trả	66.597.575.270	-	66.597.575.270
Vay và nợ thuê tài chính	70.355.235.700	-	70.355.235.700
<b>Cộng</b>	<b>183.692.136.651</b>	<b>-</b>	<b>183.692.136.651</b>

01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	46.750.498.691	-	46.750.498.691
Chi phí phải trả	66.305.960.185	-	66.305.960.185
Vay và nợ thuê tài chính	60.658.015.325	-	60.658.015.325
<b>Cộng</b>	<b>173.714.474.201</b>	<b>-</b>	<b>173.714.474.201</b>

Công ty hiện có rủi ro thanh khoản ngắn hạn. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.267.307.155	-	78.267.307.155
Đầu tư tài chính	-	770.000.000	770.000.000
Phải thu khách hàng	56.333.996.340	-	56.333.996.340
Phải thu khác	118.856.444	22.610.089.898	22.728.946.342
<b>Cộng</b>	<b>134.720.159.939</b>	<b>23.380.089.898</b>	<b>158.100.249.837</b>

01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.984.127.588	-	70.984.127.588
Đầu tư tài chính	-	770.000.000	770.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Phải thu khách hàng	69.887.570.819	-	69.887.570.819
Phải thu khác	110.553.000	22.555.009.898	22.665.562.898
<b>Cộng</b>	<b>150.982.251.407</b>	<b>23.325.009.898</b>	<b>174.307.261.305</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 36. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

#### Mối quan hệ

Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In sách giáo khoa tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách- Thiết bị Trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách thiết bị trường học Cần Thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ - Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Viện nghiên cứu sách và học liệu giáo dục	Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

Giao dịch	Năm 2023	Năm 2022	
<b>Bán hàng</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cung ứng SGK, STK	3.397.532.274	1.699.814.815
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Cung ứng lịch, STK	523.250.778	299.208.148
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Cung ứng lịch, STK	284.495.832	152.895.833
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng SGK, STK, phí hội thảo	29.136.621.145	19.341.703.027
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Cung ứng lịch, STK	228.126.352	103.500.297
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Cung ứng SGK, STK	47.994.421.908	35.407.762.357
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường Học Tiền Giang	Cung ứng SGK, STK	51.063.147.228	42.420.782.533
Công ty CP Sách thiết bị trường học Cần Thơ	Cung ứng SGK, STK	12.337.478.241	15.745.707.849
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Cung ứng STK	49.920.000	-
Công ty CP Học liệu	Cung ứng SGK, STK	7.089.940.736	4.146.897.070
Công ty CP Sách - TB Trường Học TP. HCM	Cung ứng SGK, STK	221.766.998.509	176.008.803.875
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Cung ứng SGK, STK, TBGD	13.856.013.167	15.565.309.149
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cung ứng SGK, STK	4.513.637.280	2.590.039.913
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cung ứng SGK, STK	11.299.372.657	9.109.602.462
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Cung ứng SGK	-	153.604.000
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Cung ứng SGK, STK	10.459.272.471	9.010.255.432
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cung ứng SGK, STK	5.413.628.206	2.145.416.776
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cung ứng vật tư	-	49.685.648
Công ty CP Đầu Tư và Xuất Bản Giáo dục	Cung ứng lịch, STK	1.828.442.966	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cung ứng STK	2.057.029.800	108.867.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Cung ứng vật tư	199.231.201	172.291.666
<b>Mua hàng</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Mua SGK, STK	7.054.245.510	15.004.328.742
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Mua SGK, STK	-	11.970.000
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh	Mua SGK, STK	594.337.445.150	392.259.217.956
	Chi phí tổ chức bán thảo, phí xuất bản	18.097.537.722	18.978.225.372
	Mua vật tư	1.061.700.000	913.700.000
Công ty CP In sách giáo khoa tại TP. Hồ Chí Minh	Công in	636.741.254	1.018.329.966
Công ty CP Sách thiết bị trường học Cần Thơ	Mua SGK, STK	-	51.206.580
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Mua SGK, STK	775.505.825	544.834.800
Công ty CP Học liệu	Mua SGK, STK	2.667.919.620	6.503.208.009
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường Học TP. HCM	Mua SGK, STK	9.195.898.459	20.793.951.090
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Mua sách tham khảo	2.313.798.055	3.460.059.936
	Phí nhuận bút, tổ chức bán thảo, chi phí thẻ	47.680.870.200	45.413.699.090
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Mua SGK, STK	1.417.737.307	853.930.190
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chi phí tổ chức bán thảo, nhuận bút	12.764.016.038	7.975.742.386
	Mua SGK, STK	11.532.780.000	7.988.640.000
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Mua SGK, STK	3.429.680.689	3.655.340.925
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	Mua SGK, STK	708.631.680	943.381.400
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chi phí biên tập, tổ chức bán thảo, nhuận bút	184.536.332	271.376.284
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Mua SGK, STK	534.917.500	1.277.129.520
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Bắc	Mua SGK, STK	555.437.240	26.678.520
Công ty CP Sách Giáo Dục tại Thành Phố Đà Nẵng	Mua SGK, STK	391.800.900	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### c. Thu nhập của cán bộ chủ chốt

			Năm 2023	Năm 2022
Lê Huy	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	120.000.000	120.000.000
		Thưởng	178.000.000	160.477.000
Đinh Gia Lê	Ủy viên	Thù lao	72.000.000	72.000.000
		Thưởng	129.000.000	167.912.000
Lê Phương Mai	Ủy viên	Thù lao	72.000.000	72.000.000
		Thưởng	129.000.000	119.738.000
Bùi Thu Giang	Ủy viên	Thù lao	-	18.000.000
		Thưởng	22.500.000	119.738.000
Nguyễn Thị Thu Hồng	Ủy viên	Thù lao	18.000.000	72.000.000
		Thưởng	129.000.000	89.804.000
Nguyễn Phong Yên	Ủy viên	Thù lao	72.000.000	54.000.000
		Thưởng	106.500.000	-
Nguyễn Thị Thanh Xuân	Ủy viên	Thù lao	54.000.000	-
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng			4.342.599.250	3.514.606.608
Thù lao của Ban kiểm soát			118.801.522	123.825.000

### 36. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký Hợp đồng thuê đất số 12/HĐTĐ/SCD-2018 ngày 19/01/2018 về việc thuê 12.571,9 m<sup>2</sup> đất ở Đường D4 và N2 Lô A 5, Khu Công Nghiệp Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh để thực hiện dự án “Kho sách – Giấy Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam” theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7731323272 ngày 25/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê đất kể từ ngày 19/01/2018 đến ngày 16/12/2054.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 38. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi AAC.

**Tổng Giám đốc**



*[Signature]*

**Lê Phương Mai**

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2024

**Kế toán trưởng**



**Phạm Lan Anh**

**Người lập**



**Nguyễn Thị Phương**

